

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp điện I trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 6 năm 2011 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Power Construction Joint Stock Company No I

Tên viết tắt: PCC I

Trụ sở chính: Số 18 Lý Văn Phúc, Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
	Ông Vũ Văn Tứ	Phó Chủ tịch
	Ông Chu Tuấn Ngọc	Ủy viên
	Ông Võ Hồng Quang	Ủy viên
	Bà Mai Thị Hiền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Văn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Trịnh Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Số. 465/2012/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Xây lắp điện I

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây lắp điện I

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được lập ngày 14/08/2012 của Công ty Cổ phần Xây lắp điện I (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyễn Quế Dương

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Phan Thanh Nam

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		775.590.424.457	794.265.866.313
(100 = 110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		51.081.519.526	33.071.460.802
1. Tiền	111	5.1	51.081.519.526	25.071.460.802
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		413.569.508.662	476.725.128.422
1. Phải thu khách hàng	131		336.742.869.558	424.849.764.373
2. Trả trước cho người bán	132		63.645.845.717	33.032.670.680
4. Các khoản phải thu khác	135	5.2	16.026.332.549	21.688.232.531
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.845.539.162)	(2.845.539.162)
IV. Hàng tồn kho	140		305.224.893.233	278.953.844.866
1. Hàng tồn kho	141	5.3	305.224.893.233	278.953.844.866
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.714.503.036	5.515.432.223
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	148.947.427	104.277.026
2. Thuế và các khoản khác phải thu	154		-	1.208.490
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	5.565.555.609	5.409.946.707
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.835.429.725	190.194.132.738
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		56.583.156.801	64.214.065.434
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	55.475.086.801	60.991.009.115
- Nguyên giá	222		109.198.090.683	113.987.497.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.723.003.882)	(52.996.488.078)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.108.070.000	1.108.070.000
- Nguyên giá	228		1.108.070.000	1.108.070.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	-	2.114.986.319
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		127.206.345.547	120.569.575.547
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.8	38.473.075.547	32.473.075.547
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	88.733.270.000	88.096.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.045.927.377	5.410.491.757
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	4.995.803.129	5.365.040.524
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		50.124.248	45.451.233
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		964.425.854.181	984.459.999.051

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		710.943.639.423	714.562.658.776
I. Nợ ngắn hạn	310		708.335.026.716	711.325.689.564
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	427.056.067.361	417.863.645.397
2. Phải trả người bán	312		89.122.321.973	142.866.300.701
3. Người mua trả tiền trước	313		108.450.250.469	43.962.932.883
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	17.485.182.513	25.178.418.589
5. Phải trả người lao động	315		21.368.385.851	23.248.365.605
6. Chi phí phải trả	316	5.13	6.662.675.309	9.542.845.703
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	22.172.627.267	30.935.880.209
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.15	10.836.660.250	10.836.660.250
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		5.180.855.723	6.890.640.227
II. Nợ dài hạn	330		2.608.612.707	3.236.969.212
2. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	1.088.031.250	1.305.637.500
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.520.581.457	1.357.622.621
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	573.709.091
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+ 430)	400		253.482.214.758	269.897.340.275
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	253.482.214.758	269.897.340.275
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		140.000.000.000	140.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.832.187.500	25.832.187.500
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(28.434.973)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.153.853.642	11.153.853.642
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.565.870.180	8.565.870.180
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.000.000.000	3.000.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		64.930.303.436	81.373.863.926
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		964.425.854.181	984.459.999.051

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

CHỈ TIÊU	TM	30/06/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại (USD)		405	22.476

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Trưởng Phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Phạm Thanh Bình

Đoàn Thị Liên

Trịnh Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động
			từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		376.708.224.096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	376.708.224.096
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	325.862.516.347
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		50.845.707.749
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	5.225.478.356
7. Chi phí tài chính	22	5.21	28.213.995.017
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.213.995.017
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	17.161.909.910
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		10.695.281.178
11. Thu nhập khác	31	5.23	240.000.000
12. Chi phí khác	32	5.23	233.187.960
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		6.812.040
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		10.702.093.218
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	1.277.969.735
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(50.124.248)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		9.474.247.731
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	677

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Trưởng Phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Phạm Thanh Bình

Đoàn Thị Liên

Trịnh Văn Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động
		từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
		VND
1	2	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	0	10.702.093.218
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.367.514.694
- Các khoản dự phòng	03	162.958.836
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.392.100.549)
- Chi phí lãi vay	06	28.213.995.017
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	0	39.054.461.216
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	61.512.140.919
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(28.753.181.897)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(16.340.728.015)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.119.755.317
- Tiền lãi vay đã trả	13	(23.059.562.573)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.915.914.005)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.709.784.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.907.186.458
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(93.933.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	240.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.665.875.388)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	5.938.489.226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.418.680.565
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	175.379.243.220
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(166.404.427.506)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.319.058.986)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40	(13.344.243.272)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	17.981.623.751
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	33.071.460.802
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	28.434.973
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	51.081.519.526

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Trưởng Phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Phạm Thanh Bình

Đoàn Thị Liên

Trịnh Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 6 năm 2011 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Power Construction Joint Stock Company No I

Tên viết tắt: PCC I

Trụ sở chính: Số 18 Lý Văn Phúc, Đống Đa, Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Văn phòng Công ty	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
2. Chi nhánh I.3	Xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
3. Chi nhánh I.6	Văn La, phường Văn Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
4. Trung tâm Tư vấn	Thôn Chợ, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Giải thể ngày 31/5/2012)

Các Công ty con:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Ba La	Km 0 Quốc lộ 21B, xã Phú Lương, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
2. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Đại Mỗ	Thôn chợ, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
3. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I Miền Nam	Cao ốc An Khang, số 28 Đường 19, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	Xóm 7, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
5. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Hoàng Mai	Số 471 đường Nguyễn Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
6. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Nàng Hương	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
7. Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh - Hyundai	Tổ 23, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội
8. Công ty Cổ phần Tư vấn Điện I	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
9. Công ty Cổ phần Hóa phẩm Phụ gia Việt Nam	Xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
10. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện I - Miền Bắc	Thôn Chợ, Xã Đại Mỗ, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội (Thành lập ngày 01/6/2012)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản;
- Tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Khai thác và chế biến đá các loại;
- Đào tạo nghề xây lắp điện;
- Tư vấn đầu tư, khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch và các dịch vụ khác;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Sản xuất kinh doanh, thiết bị, kết cấu thép, kim khí, vật liệu xây dựng, vật liệu và phụ kiện công trình điện, chế tạo thiết bị xây dựng, thiết bị phi tiêu chuẩn, lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, đường dây cáp quang;
- Sản xuất, kinh doanh điện;
- Xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là Xây lắp điện, Sản xuất công nghiệp và Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Năm tài chính/ Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/6/2012.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài sản và công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ được phản ánh vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay gặp các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản khác	04 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông), Hội đồng thành viên Công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến Hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của Hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của Hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc nhận định Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp điện, sản xuất công nghiệp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	571.100.473	1.767.178.744
Tiền gửi ngân hàng	50.510.419.053	23.304.282.058
Các khoản tương đương tiền	-	8.000.000.000
Tổng	<u>51.081.519.526</u>	<u>33.071.460.802</u>

5.2 Phải thu khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	16.026.332.549	21.688.232.531
Tổng	<u>16.026.332.549</u>	<u>21.688.232.531</u>

5.3 Hàng tồn kho

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.604.875.344	9.199.319.077
Công cụ, dụng cụ	33.750.000	33.750.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	294.586.267.889	269.720.775.789
Tổng	<u>305.224.893.233</u>	<u>278.953.844.866</u>

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	148.947.427	104.277.026
Tổng	<u>148.947.427</u>	<u>104.277.026</u>

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	5.565.555.609	5.409.946.707
Tổng	<u>5.565.555.609</u>	<u>5.409.946.707</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 1/1/2012	40.730.990.363	44.656.232.743	22.672.882.311	5.496.816.566	430.575.210	113.987.497.193
Tăng trong kỳ	-	112.000.000	-	59.017.273	-	171.017.273
Mua trong kỳ	-	112.000.000		59.017.273	-	171.017.273
Giảm trong kỳ	421.563.458	1.649.002.141	1.907.387.027	982.471.157	-	4.960.423.783
Thanh lý, nhượng bán	95.534.636	1.428.412.141	565.726.333	905.331.978	-	2.995.005.088
Góp vốn Công ty con	326.028.822	220.590.000	1.341.660.694	77.139.179	-	1.965.418.695
Số dư tại 30/6/2012	40.309.426.905	43.119.230.602	20.765.495.284	4.573.362.682	430.575.210	109.198.090.683
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 1/1/2012	12.830.544.647	25.984.116.219	11.606.146.506	2.528.881.548	46.799.158	52.996.488.078
Tăng trong kỳ	1.056.408.455	2.933.488.974	958.931.604	368.345.940	50.339.721	5.367.514.694
Khấu hao trong kỳ	1.056.408.455	2.933.488.974	958.931.604	368.345.940	50.339.721	5.367.514.694
Giảm trong kỳ	421.563.458	1.413.747.834	1.859.706.421	945.981.177	-	4.640.998.890
Thanh lý, nhượng bán	95.534.636	1.355.034.334	565.726.333	905.331.978	-	2.921.627.281
Góp vốn Công ty con	326.028.822	58.713.500	1.293.980.088	40.649.199	-	1.719.371.609
Số dư tại 30/06/2012	13.465.389.644	27.503.857.359	10.705.371.689	1.951.246.311	97.138.879	53.723.003.882
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	27.900.445.716	18.672.116.524	11.066.735.805	2.967.935.018	383.776.052	60.991.009.115
Tại 30/6/2012	26.844.037.261	15.615.373.243	10.060.123.595	2.622.116.371	333.436.331	55.475.086.801

Nguyên giá và Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2012 đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay lần lượt là 31.214.173.606 đồng và 6.939.322.752 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 11.981.032.161 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.7 Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Mua sắm Tài sản cố định, công cụ dụng cụ	-	71.847.000
Nâng cấp xưởng Yên Thường	-	2.043.139.319
Tổng	-	2.114.986.319

5.8 Đầu tư vào Công ty con

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I-Đại Mỗ	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I-Ba La	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	10.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Bắc	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Nàng Hươu	725.509.851	725.509.851
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Tư vấn Điện I	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	279.565.696	279.565.696
Công ty Cổ phần Hóa phẩm phụ gia Việt Nam	2.868.000.000	2.868.000.000
Tổng	38.473.075.547	32.473.075.547

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	10.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Bắc	3.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I-Nàng Hươu	10.000.000.000	100,00%	100,00%	Dịch vụ
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty CP Tư vấn Điện I	2.000.000.000	80,00%	80,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	2.857.000 USD	55,00%	55,00%	Sản xuất các loại cột thép mã kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan và cung cấp dịch vụ về mạ; mua bán thép, kẽm và vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện.
Công ty Cổ phần Hóa phẩm phụ gia Việt Nam	6.800.000.000	51,00%	51,00%	Sản xuất các sản phẩm dầu nhũ thủy lực, dầu cắt gọt kim loại

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.9 Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon		
<i>Cổ phần cam kết mua</i>	400.000	400.000
<i>Số tiền đã góp</i>	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon		
<i>Cổ phần cam kết mua</i>	300.000	300.000
<i>Số tiền đã góp</i>	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty CP Gang thép Cao Bằng		
<i>Cổ phần đã mua</i>	6.586.500	6.586.500
<i>Số tiền đã góp</i>	82.711.500.000	82.711.500.000
Ngân hàng BIDV		
<i>Cổ phần đã mua</i>	44.420	-
<i>Số tiền đã mua</i>	821.770.000	185.000.000
Tổng số tiền đầu tư dài hạn	88.733.270.000	88.096.500.000

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, vốn điều lệ 40.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng có ngành nghề kinh doanh là khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản, vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng.

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.995.803.129	5.365.040.524
Tổng	4.995.803.129	5.365.040.524

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội (1)</i>	130.347.974.453	109.046.342.926
<i>Ngân hàng Công thương Hà Tây (2)</i>	65.672.713.286	59.054.400.490
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (3)</i>	66.092.421.900	118.687.357.981
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (4)</i>	33.029.074.562	-
<i>Vay cá nhân (5)</i>	131.913.883.160	131.075.544.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Tổng	427.056.067.361	417.863.645.397

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTD ngày 29/09/2011, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2012/PLHĐ ngày 22/06/2012, mục đích khoản vay trên là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo hợp đồng tín dụng cụ thể, Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

- (2) Thông báo về việc cấp giới hạn tín dụng ngày 01/07/2011, giới hạn tín dụng là 150.000.000.000 đồng, giới hạn cho vay cao nhất 100.000.000.000 đồng, thời gian duy trì giới hạn tín dụng đến 01/7/2012.
- (3) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 47/2011/HĐHMTD-NH-DN/TCĐL ngày 04/7/2011, Công văn số 82/TB-TCĐL ngày 11/4/2012 gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng số 47/2011/HĐHMTD-NH-DN/TCĐL. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức tín dụng được gia hạn đến hết ngày 30/06/2012. Lãi suất cho vay theo quy định của EVNFinance tại từng thời điểm rút vốn và được ghi trên khế ước nhận nợ. Thời hạn cho vay: Theo từng lần nhận nợ, nhưng tối đa là không quá 12 tháng..
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức công trình số 533.12.057.8879.TDDN ngày 02/05/2012, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 279.12.057.887979.TDDN ngày 27/3/2012. Mục đích khoản vay là thanh toán tiền mua nguyên vật liệu nhân công để thực hiện các gói thầu của Công ty. Lãi suất cho vay, thời hạn cho vay được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ theo từng thời điểm giải ngân.
- (5) Công ty vay các cá nhân phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng là 10%/năm.

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	10.747.371.904	15.797.610.048
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.036.260.524	7.719.656.026
Thuế thu nhập cá nhân	1.528.124.160	1.113.223.472
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	173.425.925	547.929.043
Tổng	17.485.182.513	25.178.418.589

5.13 Chi phí phải trả

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí các công trình xây lắp	6.662.675.309	9.403.532.064
Chi phí khác	-	139.313.639
Tổng	6.662.675.309	9.542.845.703

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	792.107.319	760.888.102
Bảo hiểm xã hội	251.444.934	185.407.508
Bảo hiểm y tế	24.544.167	10.799.858
Bảo hiểm thất nghiệp	1.318.241	8.220.610
Phải trả phải nộp khác:	21.103.212.606	29.970.564.131
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>4.274.611.133</i>	<i>675.861.900</i>
<i>Lãi vay vốn cá nhân</i>	<i>5.818.148.278</i>	<i>9.088.859.078</i>
<i>Phải trả các đội xây lắp</i>	<i>4.178.619.224</i>	<i>3.001.607.027</i>
<i>Phải trả phải nộp khác:</i>	<i>6.831.833.971</i>	<i>17.204.236.126</i>
Tổng	22.172.627.267	30.935.880.209

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án cột viễn thông Ericsson	4.376.443.124	4.376.443.124
Cung cấp cột thép Đường dây Sơn La - Hiệp Hòa (lô 2.4)	6.460.217.126	6.460.217.126
Tổng	10.836.660.250	10.836.660.250

5.16 Vay dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần điện lực	1.088.031.250	1.305.637.500
Tổng	1.088.031.250	1.305.637.500

5.17 Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	130.000.000.000	130.000.000.000
Tổng	140.000.000.000	140.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ/năm	140.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ/năm		40.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ/năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ/năm	140.000.000.000	140.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25.917.808.219	20.000.000.000

Cổ phiếu giao dịch

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/11	100.000.000.000	13.832.187.500	5.533.673	7.653.853.642	5.065.870.180	1.250.000.000	78.389.576.068	206.197.021.063
Tăng trong năm	40.000.000.000	12.000.000.000	4.218.659	3.500.000.000	3.500.000.000	1.750.000.000	35.934.287.858	96.688.506.517
Vốn góp	40.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-	-	-	52.000.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000	1.750.000.000	-	8.750.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	35.934.287.858	35.934.287.858
Tăng khác	-	-	4.218.659	-	-	-	-	4.218.659
Giảm trong năm	-	-	38.187.305	-	-	-	32.950.000.000	32.988.187.305
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	12.950.000.000	12.950.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Giảm khác	-	-	38.187.305	-	-	-	-	38.187.305
Số dư tại 31/12/11	140.000.000.000	25.832.187.500	(28.434.973)	11.153.853.642	8.565.870.180	3.000.000.000	81.373.863.926	269.897.340.275
Số dư tại 01/01/12	140.000.000.000	25.832.187.500	(28.434.973)	11.153.853.642	8.565.870.180	3.000.000.000	81.373.863.926	269.897.340.275
Tăng trong kỳ	-	-	28.434.973	-	-	-	9.474.247.731	9.502.682.704
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	9.474.247.731	9.474.247.731
Tăng khác	-	-	28.434.973	-	-	-	-	28.434.973
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	25.917.808.219	25.917.808.219
Chia cổ tức 2011	-	-	-	-	-	-	25.917.808.219	25.917.808.219
Số dư tại 30/06/12	140.000.000.000	25.832.187.500	-	11.153.853.642	8.565.870.180	3.000.000.000	64.930.303.436	253.482.214.758

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5.18 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/06/2012
VND

Doanh thu hoạt động xây lắp	309.547.423.359
Doanh thu gia công sản phẩm	50.670.551.494
Doanh thu khác	16.490.249.243
Tổng	376.708.224.096

5.19 Giá vốn hàng bán

Kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/06/2012
VND

Giá vốn hoạt động xây lắp	257.203.221.455
Giá vốn gia công sản phẩm	53.710.191.794
Giá vốn khác	14.949.103.098
Tổng	325.862.516.347

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

Kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/06/2012
VND

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.382.987.276
Cổ tức lợi nhuận được chia	3.842.491.080
Tổng	5.225.478.356

5.21 Chi phí tài chính

Kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/06/2012
VND

Lãi tiền vay	28.213.995.017
Tổng	28.213.995.017

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/06/2012
VND

Chi phí nhân viên quản lý	9.681.703.093
Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	9.518.136
Chi phí khấu hao	1.190.899.774
Thuế phí lệ phí	638.588.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	542.242.406
Chi phí bằng tiền khác	5.098.957.630
Tổng	17.161.909.910

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác

Kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/06/2012
VND

Thu nhập khác	
Thanh lý Tài sản cố định	240.000.000
Tổng	240.000.000
Chi phí khác	
Giá trị còn lại tài sản cố định	73.377.807
Chi phí khác	159.810.153
Tổng	233.187.960
Lợi nhuận khác	6.812.040

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/06/2012
VND

Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.702.093.218
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>155.028.519</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>3.842.491.080</i>
Thu nhập chịu thuế	7.014.630.657
<i>Trong đó:</i>	
Lợi nhuận tính thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	6.992.492.891
Thuế suất áp dụng	25%
Tỷ lệ ưu đãi	30%
Chi phí thuế TNDN phải nộp (1)	1.223.686.256
Lợi nhuận tính thuế của các hoạt động khác	35.328.989
Thuế suất áp dụng	25%
Thuế TNDN được miễn, giảm	
Chi phí thuế TNDN phải nộp (2)	8.832.247
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành (1) + (2)	1.232.518.503
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	45.451.232
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	45.451.232
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.277.969.735

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/06/2012
VND

Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.474.247.731
Các khoản điều chỉnh	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phiếu phổ thông	9.474.247.731
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	14.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	677

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/06/2012
VND

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	179.479.413.409
Chi phí nhân công trực tiếp	111.031.949.611
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.367.514.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.769.614.907
Chi phí khác bằng tiền	61.944.746.375
Tổng	360.593.238.996

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư các bên liên quan***Số dư với các bên liên quan*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<u>Các khoản phải thu</u>				
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	Công ty con	Trả trước người bán	3.311.612.165	3.086.590.657
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	Công ty con	Trả trước người bán	1.374.921.091	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Miền Nam	Công ty con	Trả trước người bán	653.543.051	-
Tổng			<u>5.340.076.307</u>	<u>3.086.590.657</u>
<u>Các khoản phải trả</u>				
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	Công ty con	Phải trả người bán	-	1.667.851.516
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	Công ty con	Phải trả người bán	-	16.674.268.018
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Bắc	Công ty con	Phải trả người bán	568.303.046	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	Công ty con	Phải trả người bán	7.455.029.260	5.406.477.408
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Nàng Hương	Công ty con	Phải trả người bán	568.522.011	143.594.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	Công ty con	Phải trả người bán	1.955.502.664	4.776.375.762
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	Công ty con	Phải trả người bán	382.615.695	1.460.167.573
Công ty CP Tư vấn Điện I	Công ty con	Phải trả người bán	936.440.008	77.456.791
Tổng			<u>11.866.412.684</u>	<u>30.206.191.068</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

6.1 Giao dịch và số dư các bên liên quan (Tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động
			từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
<i>Giao dịch bán hàng</i>			
Công ty CP Tư vấn điện I	Công ty con	Cho thuê văn phòng	157.815.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Miền Bắc	Công ty con	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.278.542.057
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I-Nàng Hương	Công ty con	Thuê đất	32.243.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	Công ty con	Thuê đất	140.134.580
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	Công ty con	Thuê đất	130.696.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	Công ty con	Thuê đất	217.114.600
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	Công ty con	Thuê đất	431.934.544
Tổng			<u>6.388.479.781</u>
<i>Giao dịch mua hàng</i>			
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	Công ty con	Khối lượng xây lắp	3.470.273.444
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	Công ty con	Khối lượng xây lắp	4.718.096.471
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Miền Nam	Công ty con	Khối lượng xây lắp	34.896.892.202
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	Công ty con	Khối lượng xây lắp	17.719.979.800
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I-Nàng Hương	Công ty con	Phí dịch vụ	359.565.011
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	Công ty con	Khối lượng xây lắp	11.646.674.614
Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh - Hyundai	Công ty con	Gia công cột thép, vật tư	16.722.743.357
Công ty CP Tư vấn điện I	Công ty con	Khối lượng xây lắp	1.829.668.805
Tổng			<u>91.363.893.704</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

6.1 Giao dịch và số dư các bên liên quan (Tiếp theo)*Giao dịch với nhân sự chủ chốt*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động
			từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban giám đốc		Thu nhập	1.099.444.786
Tổng			1.099.444.786

6.2 Báo cáo bộ phận**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012**

	Xây lắp	Sản xuất		Tổng
		công nghiệp	Khác	
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	16.124.662.331	9.271.197.394	11.882.441.290	37.278.301.015
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
Các khoản phải thu	264.666.949.152	92.592.096.240	42.669.068.378	399.928.113.770
Hàng tồn kho	124.721.479.793	22.029.726.374	158.273.425.243	305.024.631.410
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	222.194.807.986
Tổng tài sản	405.513.091.276	123.893.020.008	212.824.934.911	964.425.854.181
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	194.381.746.857	26.341.196.152	19.127.057.827	239.850.000.836
Phải trả tiền vay	249.796.769.525	50.865.902.356	-	300.662.671.881
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	170.430.966.706
Tổng nợ phải trả	444.178.516.382	77.207.098.508	19.127.057.827	710.943.639.423

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

	Xây lắp	Sản xuất		Tổng
		công nghiệp	Khác	
DOANH THU				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	309.547.423.359	50.670.551.494	16.490.249.243	376.708.224.096
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu	309.547.423.359	50.670.551.494	16.490.249.243	376.708.224.096
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	42.425.967.087	-4.305.123.926	795.245.073	38.916.088.235
Chi phí tài chính phân bổ	(24.205.729.141)	(3.928.679.710)	(79.586.166)	(28.213.995.017)
Kết quả kinh doanh bộ phận	18.220.237.947	(8.233.803.636)	715.658.907	10.702.093.218
<i>Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD</i>				-
Lợi nhuận kế toán trước thuế				10.702.093.218
Thuế thu nhập doanh nghiệp				1.227.845.487
Lợi nhuận trong năm				9.474.247.731

6.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<u>Tài sản tài chính</u>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.081.519.526	33.071.460.802
Phải thu khách hàng và phải thu khác	352.769.202.107	446.537.996.904
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	127.206.345.547	120.569.575.547
Tổng	<u>531.057.067.180</u>	<u>600.179.033.253</u>
<u>Công nợ tài chính</u>		
Các khoản vay	428.144.098.611	419.169.282.897
Phải trả khách hàng và phải trả khác	111.294.949.240	173.802.180.910
Chi phí phải trả	6.662.675.309	9.542.845.703
Tổng	<u>546.101.723.160</u>	<u>602.514.309.510</u>

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 về việc “hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”, tuy nhiên Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp chủ yếu là trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 30/6/2012			
Các khoản vay và nợ	300.153.610.931	126.902.456.430	427.056.067.361
Phải trả người bán	80.410.838.398	8.711.483.575	89.122.321.973
Chi phí phải trả và Chi phí trích trước khác	3.839.086.121	2.823.589.188	6.662.675.309
	384.403.535.450	138.437.529.193	522.841.064.643
Tại ngày 01/01/2012			
Các khoản vay và nợ	416.558.007.897	1.305.637.500	417.863.645.397
Phải trả người bán	127.688.695.173	15.177.605.528	142.866.300.701
Chi phí phải trả và Chi phí trích trước khác	1.666.950.887	7.875.894.816	9.542.845.703
	545.913.653.957	24.359.137.844	570.272.791.801

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.4 Một số chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ hoạt động
			từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
1.	Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn		
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,58
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,42
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	73,72
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	26,28
2.	Khả năng thanh toán		
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,09
2.2	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,09
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,07
3.	Tỷ suất sinh lời		
3.1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	2,84
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	2,52
3.2	Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản		
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	%	1,11
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	%	0,98
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3,74

6.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số dư tại ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán, đây là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nên không có số liệu so sánh tương ứng.

Người lập biểu

Trưởng Phòng TCKT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2012
Tổng Giám đốc

Phạm Thanh Bình

Đoàn Thị Liên

Trịnh Văn Tuấn